TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 28-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ái Hòa;

Ông Lê Đình Nhung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 796/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Lữ Thảo P, sinh năm 1989 – Có mặt;
Địa chỉ: Khu phố G H, phường T B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1988 – Vắng mặt.
Địa chỉ: Khu phố L A, phường T B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trương Lữ Thảo P trình bày:

Chị và anh K chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T B (nay là phường T B). Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình bên chị tại khu phố L D, thị trấn T B, huyện Trảng Bàng (nay là phường Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K ham chơi cờ bạc, không lo chí thú làm ăn.

Chị P và cha mẹ chị nhiều lần khuyên anh K thay đổi nhưng không thành. Năm 2016, anh K bỏ về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân, chị và anh K không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay chị yêu cầu được ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Khánh Phương N, sinh ngày 10-10-2009 và Nguyễn Phương Khánh V, sinh ngày 09-02-2016, hai con hiện đang theo sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và cháu V, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh K đến Toà lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh K không đến nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh K.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Lữ Thảo P yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Hữu K.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh Phương N, sinh ngày 10-10-2009 và Nguyễn Phương Khánh V, sinh ngày 09-02-2016 cho chị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị P không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Hữu K vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh K chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T B (nay là phường T B)

nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị P trình bày là do anh K thường chơi cờ bạc, không lo chí thú làm ăn. Qua xác minh tại địa phương không thể hiện được giữa anh K và chị P có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, chị P và anh K đã ly thân từ năm 2016 đến nay mà không ai đặt vấn đề đoàn tụ, đồng thời Tòa án đã nhiều lần mời anh K đến Tòa làm việc, hòa giải nhưng anh K không đến, cho thấy anh K không có thiện chí hàn gắn với chị P. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị P và anh K trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị P được ly hôn anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị P và anh K có hai con chung là cháu Nguyễn Khánh Phương N, sinh ngày 10-10-2009 và Nguyễn Phương Khánh V, sinh ngày 09-02-2016. Nay chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và cháu V. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị P và anh K ly thân, chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu V, hiện các cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Qua làm việc với cháu N, cháu cũng có nguyện vọng được theo sống với chị P, cháu V là nữ và cháu còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của mẹ. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu nên Hội đồng xét xử giao cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và cháu V là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị P không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Trương Lữ Thảo P được ly hôn anh Nguyễn Hữu K.

2. Về con chung: Giao chị Trương Lữ Thảo P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Khánh Phương N, sinh ngày 10-10-2009 và Nguyễn Phương Khánh V, sinh ngày 09-02-2016.

Ghi nhận chị P không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Trương Lữ Thảo P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017833 ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh; Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị P biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường T B;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Ngọc